

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22-02-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiền

Ông Nguyễn Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 578/2020/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị M**, sinh năm 1996

Nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 15 tháng 12 năm 2020 (vắng mặt).

Bị đơn: **Anh Dương Vũ L**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Vũ L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/9/2014. Sau khi

kết hôn chị và anh L chung sống tại Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; trong thời gian chung sống thường xuyên mâu thuẫn do tính cách không hợp, gia đình đã nhiều lần hàn gắn tình cảm cho chị và anh L nhưng không thành. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị và anh L đã ly thân từ năm 2016; trong thời gian sống ly thân anh L không tìm chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và nay cũng không còn tình cảm với anh L nên Chị M yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị M xác định chị và anh L có 01 con chung tên Dương Ngọc V, sinh ngày 28/9/2014 khi ly thân con chung do anh Dương Vũ L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 Chị M xác định hiện nay con đang ở ổn định nên chị giao con lại cho anh L nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định trong thời gian chung sống chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Dương Vũ L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập anh L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh L vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M đối với anh Dương Vũ L. Về con chung: Giao cháu Dương

Ngọc V, sinh ngày 28/9/2014 cho anh Dương Vũ L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị M yêu cầu ly hôn với anh Dương Vũ L, anh L cư trú tại Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Dương Vũ L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M yêu cầu ly hôn với anh Dương Vũ L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M và anh L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/9/2014 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống Chị M và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh L tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do thể hiện anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản xác minh ngày 18 tháng 12 năm 2020, ông Lâm Văn T là trưởng ấp, Ấp Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định trong thời gian chung sống Chị M và anh L chung sống có đăng ký kết hôn, có 01 con chung tên Dương Ngọc V, sinh năm 2014 hiện nay anh L đang nuôi dưỡng, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và Chị M đã bỏ nhà đi từ năm 2016. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa Chị M và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị M đối với anh L.

[4] Về con chung: Chị M xác định chị và anh L có 01 con chung tên Dương Ngọc V, sinh ngày 28/9/2014 khi ly thân con chung do anh Dương Vũ L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Dương Ngọc V, sinh ngày 28/9/2014 còn nhỏ và từ khi Chị M và anh L ly thân từ năm 2016 cho đến nay cháu sống với anh Dương Vũ L, nên cần giữ nguyên để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu. Do đó, cần tiếp tục giao Dương Ngọc V cho anh Dương Vũ L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và anh L không có ý kiến nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M đối với anh Dương Vũ L.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Ngọc V, sinh ngày 28/9/2014 cho anh Dương Vũ L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Dương Vũ L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Trần Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Trần Thị M phải chịu. Chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008080 ngày 18/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, chị Trần Thị M và anh Dương Vũ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Kiều Diễm